

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 327 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 290/CV-GPMT ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định về việc giải trình, chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở Khu công nghiệp Phú Tài và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định, địa chỉ tại số 338 Lạc Long Quân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với Khu công nghiệp Phú Tài có địa chỉ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Phú Tài.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số 41011377456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 10 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 41011377456.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành được phép thu hút đầu tư (phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam), bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
1	Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	C	10	108	1080	10800
2	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	C	11	110	1103	11030

STT	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
3	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	C	11	110	1104	
4	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	C	13	139	1392	13920
5	Sản xuất thảm, chăn, đệm	C	13	139	1393	13930
6	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	C	14	141	1410	14100
7	Sản xuất giày, dép	C	15	152	1520	15200
8	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	C	16	161	1610	
9	Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	C	16	162		
10	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	C	17	170	1702	
11	In ấn	C	18	181	1811	18110
12	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít	C	20	202	2022	20221
13	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	C	23	239	2395	23950
14	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	C	23	239	2396	23960
15	Sản xuất các cấu kiện kim loại	C	25	251	2511	25110
16	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	C	25	259	2599	
17	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C	31	310	3100	
18	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	C	31	310	3100	31001
19	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	C	32	329	3290	32900
20	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	D	35	352	3520	
21	Xây dựng công trình điện	F	42	422	4221	42210
22	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	G	46	462	4620	46209
23	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	G	46	466	4663	
24	Vận tải đường bộ khác	H	49	493		
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	H	52	522		

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích: 339,88 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy

định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Bình Định:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Bình Định có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày 08... tháng 9... năm 2023 đến ngày 07... tháng 9... năm 2030).

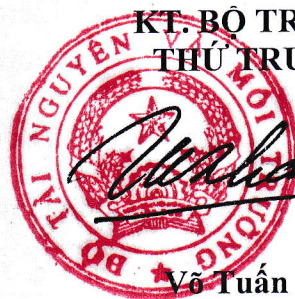
Giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *ct*

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Định (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Bình Định;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSONMT, HHa (15).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 327./GPMT-BTNMT ngày 08. tháng 9. năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp Phú Tài.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp Long Mỹ.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vệ sinh của nhà điều hành khu công nghiệp.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu vệ sinh của nhà điều hành của trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Sông Hà Thanh, Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3^0):
 $X = 1526422$; $Y = 598740$.
- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý tự chảy ra sông Hà Thanh.
- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 - 9		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		
4	COD	mg/l	67,5		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
6	BOD ₅	mg/l	27		Không yêu cầu

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7	Tổng nito	mg/l	18		
8	Màu	Pt/Co	50		
9	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,6		
10	Sunfua	mg/l	0,18		
11	Clo dư	mg/l	0,9		
12	Sắt	mg/l	0,9		
13	Coliform	MNP/100ml	3.000		
14	Asen	mg/l	0,045		
15	Cadimi	mg/l	0,045		
16	Chì	mg/l	0,09		
17	Kẽm	mg/l	2,7		
18	Mn	mg/l	0,45		
19	Thủy ngân	mg/l	0,0045		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
21	Cr (VI)	mg/l	0,045		
22	Cr (III)	mg/l	0,18		
23	Cu	mg/l	1,8		
24	Ni	mg/l	0,18		
25	Tổng xyanua	mg/l	0,063		
26	Tổng phenol	mg/l	0,09		
27	Florua	mg/l	4,5		
28	Clorua	mg/l	450		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	01 năm/lần	Không yêu cầu
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,27		
33	Tổng PCB	mg/l	0,0027		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp Phú Tài (nguồn số 01) được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài, công suất 2.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp Long Mỹ (nguồn số 02) được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài, công suất 2.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 03, 04) được thu gom về hệ thống bể tự hoại đặt tại các khu vực phát sinh nước thải (tổng thể tích 02 bể tự hoại là 5 m³) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 2.000 m³/ngày, cụ thể như sau:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Tách rác tinh → Bể điều hòa → Bể SBR → Bể kiểm chứng → Nguồn tiếp nhận (sông Hà Thanh).

- Công suất thiết kế: 2.000 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: mật rỉ đường, vi sinh, NPK (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí: Tại bể kiểm chứng.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: Đã lắp đặt 02 bộ camera giám sát với 01 camera giám sát vị trí lấy mẫu nước thải tự động tại bể kiểm chứng và 01 camera bên trong nhà trạm giám sát tủ trạm quan trắc và đồng hồ đo lưu lượng.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu đã được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố dung tích thiết kế 18.000 m³, hồ sự cố đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Các biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp: thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp; Lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp thuộc danh sách nêu trên.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp (KCN); bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử

lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

b) Biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải vượt quy chuẩn trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động bình thường: Công nhân vận hành khóa van xả ra môi trường rồi mở van hồi lưu để nước thải sau xử lý có chất lượng chưa đạt quy chuẩn xả thải vào hồ sự cố. Đồng thời, tín hiệu từ Trạm quan trắc tự động, liên tục sẽ báo hiệu để tự động dừng bơm cấp nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung theo chương trình đã được lập trình. Nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Trường hợp thiết bị của trạm xử lý nước thải gặp sự cố hoặc quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải chưa đảm bảo dẫn đến không đảm bảo hiệu quả xử lý, cần dừng tạm thời để rà soát, sửa chữa/thay thế: Công nhân vận hành khóa van vào bể thu gom, mở van để dẫn nước thải về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong nước thải được bơm trở lại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH	-	5-9
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
4	COD	mg/l	600
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	22,5
6	BOD ₅	mg/l	150
7	Tổng nitơ	mg/l	90
8	Màu	Pt/Co	150
9	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	12
10	Sunfua	mg/l	1,5
11	Clo dư	mg/l	2
12	Sắt	mg/l	15
13	Coliform	MNP/100ml	5.000
14	Asen	mg/l	0,75
15	Cadimi	mg/l	0,75
16	Chì	mg/l	1,5
17	Kẽm	mg/l	7,5
18	Mn	mg/l	7,5
19	Thủy ngân	mg/l	0,015
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	15
21	Cr (VI)	mg/l	0,75

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
22	Cr (III)	mg/l	3
23	Cu	mg/l	7,5
24	Ni	mg/l	3
25	Tổng xyanua	mg/l	0,3
26	Tổng phenol	mg/l	1,5
27	Florua	mg/l	22,5
28	Clorua	mg/l	1.500
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,3
33	Tổng PCB	mg/l	0,003

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp Phú Tài và Khu công nghiệp Long Mỹ, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp Phú Tài.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải

tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp Phú Tài và Khu công nghiệp Long Mỹ (02 khu công nghiệp có cùng chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định) trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp Phú Tài và Khu công nghiệp Long Mỹ được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài để xử lý.

Phải có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải tiếp nhận từ Khu công nghiệp Long Mỹ bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Phú Tài (nêu tại Mục 1.5 Phần B Phụ lục này). Hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu công nghiệp Long Mỹ phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.6. Đảm bảo nước thải phát sinh từ các ngành nghề thu hút đầu tư của Khu công nghiệp Long Mỹ phù hợp với khả năng thu gom, xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Phú Tài. Trường hợp Khu công nghiệp Long Mỹ bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư so với thủ tục đầu tư và môi trường đã được phê duyệt, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét theo quy định.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 32.7/GPMT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực hoạt động của máy phát điện dự phòng tại trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Khu vực hoạt động của máy thổi khí tại trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1525437; Y = 596557.

- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1525398; Y = 596540.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108°15' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Sử dụng đệm cao su chống ồn được lắp tại chân của máy phát điện;

1.2. Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ;

1.3. Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. 

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 327/GPMT-BTNMT ngày 08 tháng 09 năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Chung loại, khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	5
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	3
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	2
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	10
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	20
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất có thành phần nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang thải) thải.	18 01 02	20
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	10
8	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	40
9	Pin thải	19 06 01	3
Tổng khối lượng			113

1.2. Khối lượng, chung loại chất thải rắn công nghiệp cần phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	900

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng dự kiến (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	0,9
Tổng khối lượng		0,9

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lít, được dán nhãn cảnh báo nguy hại; bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại, được để tại kho lưu chứa.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật đặt hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp có diện tích thiết kế 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao, lợp mái, nền chống thấm, có gờ chống tràn, hố thu, bình bọt chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải:

- Khu vực lưu giữ bùn thải nằm trong kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao, lợp mái, nền chống thấm, có gờ chống tràn, hố thu, bình bọt chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Xe đẩy và thùng nhựa có nắp đậy được đặt tại khu vực phát sinh và chuyển giao cho đơn vị có đủ chứng năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 327./GPMT-BTNMT ngày 08. tháng 9. năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật với diện tích 339,88 ha trên tổng diện tích 339,88 ha của cơ sở “Khu công nghiệp Phú Tài” tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo Quyết định số 1112/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở; không còn hạng mục, công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (công suất 500 kVA; nhiên liệu sử dụng là dầu diesel) chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu diesel sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

5. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. *vt*